TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST Ngày 30 - 6 - 2021 V/v Ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Đinh Tuấn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Luật là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 20201, về việc "ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Đình T, sinh năm 19..

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 19..

Các đương sự cùng nơi cư trú tại ấp ..., xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2021 và ý kiến của nguyên đơn ông Đặng Đình T trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:*

Nguyên đơn và bị đơn Trần Thị H tự nguyện kết hôn, các đương sự đã được Ủy ban nhân dân xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2000.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018. Sau thời gian này phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng không có trách nhiệm giúp đỡ trong mối quan hệ gia đình, đã sống ly thân từ đầu năm 2019.

Đến nay vợ chồng các đương sự chưa có con, không có nợ chung; về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vợ chồng có những mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, không còn tình thương yêu, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

** Từ ngày nguyên đơn khởi kiện vụ án đến ngày 29 tháng 6 năm 2021 thì bị đơn bà Trần Thị H không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 bị đơn đến Tòa án nhân dân huyện Tân Phú để cung cấp văn bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Bị

đơn trình bày ý kiến tại các văn bản này là nguyên đơn và bị đơn chưa có con, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, đồng ý nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn gửi đến Tòa án: Đơn khởi kiện, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng các đương sự;

Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã xác minh thu được các tài liệu: Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn, biên bản xác minh của Tòa án và đã mở phiên họp công khai tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến nguyên đơn, bị đơn được biết để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 khoản 3 Điều 68, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nghiên cứu và tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định theo khoản 1 Điều 203, khoản 2 Điều 220, Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Cuộc sống vợ chồng các đương sự không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên không còn thương yêu quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 19, Điều 56, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Đình T, giải quyết vụ án các đương sự được ly hôn. Về con không có; về tài sản chung, trách nhiệm thanh toán nợ: Tách ra giải quyết khi phát sinh tranh chấp; nguyên đơn Đặng Đình T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật;

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án, người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Ông Đặng Đình T khởi kiện vụ án yêu cầu ly hôn đối với người bị kiện bà Trần Thị H thì ông T là nguyên đơn, bà H là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3

Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị H có nơi cư trú tại xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân và gia đình của ông T và bà H được xác lập năm 2000, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vợ chồng ông T và bà H tự nguyện kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn trong năm 2000 là phù hợp Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của các đương sự là hợp pháp.

Xét ý kiến yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa là chứng cứ chứng minh: Vợ chồng các đương sự có nhiều mâu thuẫn trầm trọng trong thời kỳ hôn nhân, không còn trách nhiệm giúp đỡ trong mối quan hệ của vợ chồng nên không còn sống chung gia đình từ đầu năm 2019 đến nay. Các đương sự đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác đối với bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng nhằm giải quyết tranh chấp trong vụ án để tiếp tục xây dựng hôn nhân và gia đình. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 bị đơn có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp các Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T và bà H thống nhất ý kiến là không có nợ chung, chưa có con, về tài sản chung của vợ chồng các đương sự không có tranh chấp không có khởi kiện. Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Đặng Đình T khởi kiện yêu cầu về ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đặng Đình T:

Ông Đặng Đình T được ly hôn đối với bà Trần Thị H;

Đến nay ông Đặng Đình T và bà Trần Thị H không có con, các đương sự không khởi kiện về tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

2. Nguyên đơn ông Đặng Đình T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004098 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày Tòa án tống đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Kim Đính